SỞ TÀI CHÍNH QUẢNG TRỊ
THANH TRA

Số: 100 /KL - TTr

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA TÀI CHÍNH
tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Lăng và các đơn vị trực thuộc

Thực hiện Quyết định số 54/QĐ-TTr ngày 16/10/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính về việc Thanh tra tài chính tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Lăng & các đơn vị trực thuộc.

Sau khi xem xét Báo cáo kết quả thanh tra số 08/BC-ĐTTr ngày 15/12/2023 của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tài chính Quảng Trị kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Khái quát về ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Lăng

Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Lăng (sau đây gọi tắt là các Trường) bao gồm: Phòng Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Phòng giáo dục) được thành lập tại Quyết định số 749/QĐ-UBND, ngày 29/5/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị là cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, có chức năng tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, bao gồm: Mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

Phòng Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP. Phòng Giáo dục và Đào tạo được cấp có thẩm quyền giao năm 2022 là 10 người, số hiện có tại thời điểm tháng 12/2022 là 09 người, bao gồm: 01 Trưởng phòng và 01 Phó trưởng phòng, 07 chuyên viên.

Các Trường (mầm non, tiểu học và THCS) là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, được thành lập theo sự cho phép của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tư cách pháp nhân, có khuôn dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước để giao dịch; Việc quản lý và sử dụng các nguồn ngân sách cấp, hoạt động tài chính, nguồn thu dịch vụ và nguồn khác của các Trường thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy phạm pháp luật về tài

chính có liên quan và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập *(được giao theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND huyện huyện Hải Lăng về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện quản lý).*

Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Lăng có tổng số 39 đơn vị Trường học, trong đó: Khối mầm non 20 trường, Khối TH&THCS: 19 trường.

- Số điểm trường: 94

- Tổng số lớp: 633 lớp; tổng số học sinh: 18.457 học sinh; trong đó:

+ Mầm non: Tổng số lớp: 180 lớp; tổng số trẻ 4.286 cháu;

+ Tiểu học: Tổng số lớp: 265 lớp; tổng số học sinh 6.821 học sinh; 100% học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày.

+ THCS: Tổng số lớp: 159 lớp; tổng số học sinh 5.397 học sinh

- Số viên chức và người lao động làm việc, cụ thể:

+Tổng số viên chức và người lao động được giao: 1.314 người

+ Tổng số viên chức và người lao động hiện có: 1.280 người

- Hợp đồng lao động, cụ thể:

+ Các trường hợp đồng: 09 người, trong đó 03 giáo viên mầm non; 03 giáo viên Ngữ văn; 01 Lịch sử và 02 giáo viên Tiếng Anh.

+ Các trường hợp đồng 80 Nhân viên dinh dưỡng

2. Thuận lợi, khó khăn

- Thuận lợi: Đa số cán bộ quản lý các trường nhiệt tình, tâm huyết, có trách nhiệm cao. Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn chiếm tỉ lệ cao, nhiệt tình công tác, có kinh nghiệm, tay nghề vững vàng. Các trường tổ chức và thực hiện tốt quy chế dân chủ, công khai trong trường học, thực hiện đúng đủ các chế độ chính sách theo quy định cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, tạo sự đoàn kết nhất trí cao trong tập thể của các Trường.

- Khó khăn: Cơ sở vật chất xuống cấp và còn thiếu dẫn đến công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các Trường ở các xã bãi ngang ven biển.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

A. CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Thanh tra việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

1.1. Việc lập và phân bổ dự toán ngân sách

- Căn cứ lập và phân bổ dự toán

+ Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

+ Trên cơ sở Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện Hải Lăng về dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSNN trên địa bàn năm 2022; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hải Lăng tham mưu UBND huyện giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện tại Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện Hải Lăng và được điều chỉnh tăng, giảm tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Hải Lăng về việc điều chỉnh Dự toán chi sự nghiệp Giáo dục năm 2022 (điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung Quỹ lương, định mức chi hoạt động), cụ thể:

- Năm 2022, tổng số kinh phí giải ngân trong năm 203.135.404.408 đồng, trong đó: Nguồn ngân sách: 186.992.275.587 đồng, nguồn học phí và thu khác: 2.865.010.802 đồng; Nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ: 13.278.118.019 đồng. Để quản lý các nguồn nêu trên và một số nội dung tài chính liên quan; Phòng giáo dục và các Trường bố trí 01 kế toán có trình đại học theo chuyên ngành.

B. SỐ LIỆU

1. Nguồn ngân sách cấp

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	CÁC TRƯỜNG	PHÒNG GIÁO DỤC
1	Số đã sử dụng trong năm	186.992.275.587	183.996.880.923	2.995.394.664
	Trong đó:			
1.1	*Kinh phí chi thường xuyên*	*168.607.503.943*	*167.235.552.279*	*1.371.951.664*
1.2	*Kinh phí không thường xuyên*	*18.384.771.644*	*16.761.328.644*	*1.623.443.000*

(Có bảng chi tiết đính kèm)

2. Nguồn học phí và thu khác

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	NGUỒN HỌC PHÍ VÀ THU KHÁC
1	Số đã sử dụng trong năm	2.865.010.802
	Trong đó:	

1.1	*Khối Mầm non*	*1.518.237.854*
1.2	*Khối TH&THCS*	*1.346.772.948*

(Có bảng chi tiết đính kèm)

3. Nguồn xã hội hóa, tài trợ viện trợ

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	MẦM NON	TIỂU HỌC VÀ THCS
1	Số dư năm trước chuyển sang	484.191.368	252.086.203	232.105.165
2	Thu trong năm	13.272.470.766	4.730.012.685	8.542.458.081
3	Số được sử dụng trong năm	13.756.662.134	4.982.098.888	8.774.563.246
4	Chi trong năm	13.278.118.019	4.690.282.370	8.587.835.649
5	Số dư còn lại	478.544.115	291.816.518	186.727.597

(Có bảng chi tiết đính kèm)

C. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Đoàn thanh tra đã làm việc và lập 38 biên bản, trong đó: 01 Biên bản tại Phòng Giáo dục và 37 Trường trực thuộc, đã nêu ưu điểm và tồn tại với các nội dung sau:

I. Ưu điểm

1. Tổng số tiền giải ngân năm 2022: 203.135.404.408 đồng, cơ bản việc sử dụng đúng mục đích và tiết kiệm, là một trong những nhân tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Phòng giáo dục và các Trường.

2. Đã thực hiện tương đối tốt việc mở hệ thống sổ sách, sử dụng hệ thống tài khoản và lập báo cáo tài chính, quyết toán. Lập dự toán kinh phí theo quy trình của Luật Ngân sách và các văn bản QPPL hướng dẫn về việc lập dự toán.

3. Chấp hành tương đối tốt các chính sách tài chính hiện hành; đáp ứng việc tập hợp, quyết toán và xác định kết quả tài chính các nguồn kinh phí đảm bảo quy định.

4. Cơ bản chấp hành tốt chế độ quản lý, sử dụng tài sản do ngân sách cấp và coi như ngân sách; tổ chức lưu trữ, sắp xếp chứng từ, tài liệu khoa học, thuận tiện cho công tác thanh tra.

5. Chấp hành phân cấp quản lý: cụ thể quản lý ngân sách, phân cấp quản lý giá, mua sắm tài sản … đảm bảo quy định của pháp luật.

6. Công tác xây dựng cơ bản thực hiện tương đối nghiêm túc quy trình theo quy định pháp luật: Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, thẩm định, thi công và nghiệm thu, đưa công trình vào sử dụng.

7. Các Trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và thông qua Hội nghị viên chức và người lao động; đã phát huy có hiệu quả trong việc giải ngân các nguồn kinh phí và quản lý, sử dụng tài sản công.

II. Tồn tại

1. Lập Báo cáo quyết toán; Báo cáo tài chính

Một số Trường gộp 02 báo cáo: Báo cáo Quyết toán; Báo cáo tài chính năm 2022 thành một báo cáo là không đúng quy định tại Điều 6- Báo cáo Quyết toán và Điều 7 - Báo cáo tài chính theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Đề nghị các trường lập riêng hai báo cáo: Báo cáo Quyết toán, Báo cáo Tài chính đảm bảo theo quy định nói trên. Tại Báo cáo quyết toán - báo cáo tài chính có các tồn tại: Thừa báo biểu: Bảng đối chiếu dự toán tại kho bạc; Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN... theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính: Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Về công tác quản lý, sử dụng tài sản

2.1. Kiểm kê tài sản cố định, công cụ, dụng cụ (TSCĐ, CCDC): Theo Điều 40 Luật kế toán 2015, cuối kỳ kế toán năm phải tiến hành kiểm kê TSCĐ, CCDC và tiền mặt nhằm xác định thừa, thiếu làm cơ sở để xử lý và thực hiện các bút toán liên quan phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Công tác kiểm kê TSCĐ, CCDC tại các Trường cơ bản đảm bảo, cụ thể: có tiến hành kiểm kê, đã ban hành Quyết định kiểm kê tài sản; Thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản (Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền); Trưởng các phòng, các lớp trực tiếp sử dụng tài sản; Kế toán và các ủy viên); Tiến hành kiểm kê theo kế hoạch; Tổng hợp số liệu chênh lệch thừa, thiếu; Xử lý số liệu lập báo cáo kết quả kiểm kê.

Tuy nhiên, một số Trường còn tồn tại: Không có biên bản kiểm kê từng bộ phận; Không phản ảnh số chênh lệch và kết quả xử lý số chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế với số liệu sổ kế toán; kiểm kê không đảm bảo về thời gian, ngày tháng; tiền mặt có tiến hành kiểm kê nhưng thời gian không đảm bảo; Hội đồng kiểm kê tài sản không đảm bảo (thiếu Trưởng các bộ phận quản lý, sử dụng tài sản); việc chỉ có Hiệu trưởng và Kế toán ký vào biên bản kiểm kê tài sản không xác định được trách nhiệm khi làm mất mát, hư hỏng tài sản; Không mở sổ theo dõi TSCĐ, CCDC để quản lý tài sản; Một số Trường sử dụng Biên bản kiểm kê tài sản theo năm học là không đảm bảo quy định tại Luật Kế toán năm 2015.

Đánh giá, công tác kiểm kê tài sản một số Trường chưa được chú trọng, một trong nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch nguyên giá, hao mòn & giá trị còn lại đối với TSCĐ và giá trị đối với CCDC giữa sổ sách và thực tế.

2.2. Xác định hao mòn tài sản cố định vô hình: Căn cứ loại 4 Phụ lục số 01 tại Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị. Quy định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình đối với phần mềm kế toán tỷ lệ hao mòn 20%/năm và thời gian sử dụng 5 năm. Tuy nhiên, các Trường không tính hao mòn tài sản cố định vô hình hoặc có phản ánh và tính hao mòn nhưng thời gian không đảm bảo *(phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác)* là chưa đảm bảo theo quy định nói trên.

2.3. Việc theo dõi, phản ánh vào Sổ TSCĐ, CCDC: Thực hiện Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị, nội dung này còn tồn tại:

- Một số Trường đã mở sổ theo dõi TSCĐ, CCDC để phản ánh nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản nhằm theo dõi, quản lý; Tuy nhiên, việc phản ánh nguyên giá TSCĐ, CCDC của các tài sản chưa đảm bảo quy định nói trên, cụ thể:

+ TSCĐ đang phản ánh và theo dõi tại CCDC cụ thể: Tủ hồ sơ (5 tr); Tủ thiết bị (5,259 tr)...không đảm bảo các danh mục là CC,DC. Đề nghị các Trường rà soát ghi giảm CCDC để phản ánh tăng TSCĐ theo dõi, quản lý.

+ CCDC đang phản ánh và theo dõi tại TSCĐ có nguyên giá dưới 5 triệu, không phải là tài sản đặc thù, cụ thể: Máy điện thoại (290.000 đồng); Máy Fax (2,9tr); Điện thoại bàn (686.000 đồng); Quạt treo tường (2,8 tr); Máy in (3,2 tr)... không đảm bảo các quy định danh mục là TSCĐ.

Đề nghị các Trường rà soát, điều chỉnh danh mục TSCĐ, CCDC để phản ánh và theo dõi vào Sổ sách kế toán đảm bảo quy định nói trên.

2.4. Việc đánh giá lại TSCĐ, CCDC và thanh lý tài sản: Các Trường chưa chủ động rà soát đánh giá lại TSCĐ, CCDC đã hết hao mòn đã lâu, không còn sử dụng. Đề nghị các Trường thành lập hội đồng đánh giá lại tài sản cuối năm để thực hiện rà soát đánh giá lại TSCĐ, CCDC cuối năm; trường hợp tài sản giá trị còn lại bằng không, không còn sử dụng thì tiến hành thanh lý, thành lập Hội đồng thanh lý đảm bảo theo quy định[1]; xác định nhu cầu mua sắm trang thiết bị nhằm thay thế trang thiết bị đã cũ, không còn sử dụng để nâng cao chất lượng giáo dục.

---

[1] Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Nghị định, quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh Quảng Trị và các văn bản liên quan

2.5. Cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công: Đến thời điểm thanh tra, một số Trường chưa phản ảnh hết tài sản đảng quản lý, sử dụng vào phần mềm thuộc Dự án "Nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công" và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022, là chưa đảm bảo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Công văn số 480/BTC-QLCS ngày 13/01/2022 của Bộ Tài chính về việc triển khai hệ thống Phần mềm thuộc Dự án "Nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công". Đề nghị các Trường rà soát, tiếp tục cập nhật vào phần mềm tài sản đảm bảo theo quy định.

2.6. Đối với tài sản (Nhà, Đất) đang quản lý, sử dụng

Các Trường đã phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vào sổ sách kế toán để theo dõi và quản lý TK 213 -TSCĐ vô hình. Tuy nhiên, một số Trường nội dung này còn tồn tại:

- Việc áp giá trị Quyền sử dụng đất được phản ánh vào TK 213 đã lâu không còn phù hợp với giá trị theo quy định tại thời điểm hiện tại, yêu cầu các Trường căn cứ bảng giá theo quy định hiện nay để áp giá và phản ánh vào Sổ kế toán giá trị quyền sử dụng đất đảm bảo quy định tại Điều 100 đến Điều 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ để thực hiện.

- Một số Trường chưa làm thủ tục chuyển đổi tên tại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng Đất theo đúng tên gọi hiện nay. Đề nghị các Trường làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục chuyển đổi tên và kiến nghị để UBND huyện làm các thủ tục theo đúng quy định về quản lý tài sản công.

- Đề nghị các Trường sớm làm việc với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng Đất tại các điểm Trường đang quản lý, sử dụng để phản ánh vào Sổ kế toán theo dõi, quản lý đảm bảo theo quy định. Các Trường chưa phản ánh và theo dõi các điểm Trường lẽ do chưa có Giấy chứng nhận QSD Đất là trái với quy định khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công: *"1. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là giá trị tài sản cố định được tính trong giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Giá trị quyền sử dụng đất được hạch toán vào giá trị tài sản và theo dõi* ***trên sổ kế toán*** *theo quy định của pháp luật kế toán; diện tích đất, hồ sơ về đất được ghi chép, theo dõi trên sổ tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị...".*

Ngoài các quy định trên, các Trường sớm triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Công văn số 2225/UBND-TCTM ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, cụ thể: *"Đối với các cơ sở nhà, đất thiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất liên hệ cơ quan có thẩm quyền căn cứ nguồn gốc, hồ sơ pháp lý có liên quan và quy định của pháp luật về đất đai để xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng theo đúng quy định của pháp luật".*

(Có Bảng chi tiết các Trường đính kèm)

3. Các Trường được giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 của UBND huyện Hải Lăng về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện quản lý, theo đó: Các Trường là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo kinh phí chi thường xuyên (thuộc Nhóm 4). Việc các Trường phân phối kết quả tài chính trong năm trích lập các quỹ Phúc lợi, quỹ khen thưởng, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp... theo tỷ lệ trích là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập: *"1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định này, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được xác định là kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được. 2. Đơn vị sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo thứ tự như sau: Bổ sung thu nhập cho viên chức và người lao động; chi khen thưởng và phúc lợi..."*.

Đề nghị các Trường rà soát điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó, thực hiện theo thứ tự, cụ thể như sau: bổ sung thu nhập cho viên chức và người lao động; chi khen thưởng, chi phúc lợi, chi sửa chữa, mua sắm, số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng đảm bảo theo quy định nói trên.

4. Tại thời điểm thanh tra, các Trường nhận được Thông báo của cơ quan BHXH huyện Hải Lăng; thể hiện nội dung số nộp thừa, thiếu về BHXH, BHYT, BHTN. Về nguyên tắc số tiền này phải phản ánh tại TK công nợ phải thu hoặc phải trả, nhưng các trường có số dư TK 332 bằng 0. Việc quản lý như vậy, chưa thực hiện tốt Luật kế toán và các văn bản QPPL có liên quan..

Thu hồi vào NSNN số tiền thể hiện nộp thừa BHXH nhưng không xác định được các khoản phải trả từ các năm trước chuyển sang, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Thu hồi vào NSNN
1	Khối Mầm non	12.884.612
2	Khối Tiểu học và THCS	17.413.401
	Tổng cộng	**30.298.013**

Bằng chữ:Ba mươi triệu, hai trăm chín mươi tám ngàn, không trăm mươi ba đồng

(Có Bảng chi tiết các Trường đính kèm)

5. Xác định Quỹ tiền lương trong năm 2022

Trên cơ sở Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện Hải Lăng về dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSNN trên địa bàn năm 2022; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hải Lăng tham mưu UBND huyện giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc huyện tại Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND huyện Hải Lăng và được điều chỉnh tăng, giảm, bổ sung Quỹ lương, định mức chi hoạt động trong năm tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Hải Lăng về việc điều chỉnh Dự toán chi sự nghiệp Giáo dục năm 2022.

Căn cứ Biên bản thanh tra tài chính tại các Trường, xác định chênh lệnh giữa Quỹ lương (Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp) được giao (có điều chỉnh bổ sung tăng, giảm Quỹ lương trong năm qua định mức chi khác) so với Quỹ lương chi thực tế tại Báo cáo Quyết toán năm 2022 đã được KBNN huyện Hải Lăng xác nhận. Số chênh lệch thu hồi vào ngân sách nhà nước giữa Quỹ lương giao so với Quỹ lương chi thực tế và giảm trừ dự toán năm 2023 tại các Trường, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Thu hồi vào NSNN	Giảm trừ dự toán năm 2023
1	Khối Mầm non	583.739.456	95.311.000	488.428.456
2	Khối Tiểu học và THCS	1.905.164.495	40.689.000	1.864.475.495
	Tổng cộng	**2.488.903.951**	**136.000.000**	**2.352.903.951**

Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm tám mươi tám triệu, chín trăm không ba ngàn, chín trăm năm mươi mốt đồng

(Có Bảng chi tiết các Trường đính kèm)

6. Các Trường thực hiện chi quản lý học phí 3% trên tổng thu học phí trên cơ sở hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 14/TT-LB ngày 04/9/1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện thu - chi học phí giao dục phổ thông (văn bản đã không còn phù hợp quy định hiện nay). Hiện nay, việc chi quản lý, sử dụng học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, việc các Trường chi 3% trên tổng thu học phí là không có cơ sở.

Căn cứ Biên bản thanh tra tài chính xác định số đã chi tại các Trường, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Thu hồi vào NSNN
1	Khối Mầm non	43.234.000
2	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở	60.144.000
	Tổng cộng	**103.378.000**

Bằng chữ: Một trăm không ba triệu, ba trăm bảy mươi tám ngàn đồng chẵn)

(Có Bảng chi tiết các Trường đính kèm)

7. Xác định trích lập 40% cải cách tiền lương

Căn cứ Báo cáo quyết toán năm 2022, trong đó: thể hiện tại TK 468 phản ánh nguồn trích 40% Cải cách tiền lương của các Trường chưa tạo nguồn cải cách tiền lương từ nguồn thu học phí theo quy định. Đề nghị các Trường rà soát, điều chỉnh việc trích 40% nguồn CCTL từ các năm trước để lại tại đơn vị (TK 468) để đảm bảo nguồn chi trả lương theo lộ trình CCTL của Chính phủ. Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Trích thiếu nguồn 40% CCTL tại TK 468
1	Khối Mầm non	268.926.447
2	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở	88.721.878
	Tổng cộng	**357.648.325**

Bằng chữ: Ba trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng

(Có Bảng chi tiết các Trường đính kèm)

8. Nguồn xã hội hóa, tài trợ viên trợ và nguồn khác, cụ thể:

Các khoản thu từ nguồn xã hội hóa tại các Trường cơ bản thực hiện theo Nghị quyết 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND về quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn và Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn, cụ thể:

- Các Trường đã xây dựng Kế hoạch thu, chi từ đầu năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023 đã lấy ý kiến của Hội phụ huynh và cơ quan quản lý cấp trên theo phân cấp, trong đó:

+ Văn bản thỏa thuận của cha mẹ học sinh bằng văn bản;

+ Sự thống nhất của Hội đồng Nhà trường bằng Nghị quyết;

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt;

+ Các khoản thu không hết cuối năm học phải trả lại cho cha mẹ học sinh hoặc giảm vào dự toán thu năm sau.

Tuy nhiên, một số Trường chưa ban hành Nghị quyết của Hội đồng Nhà trường; chưa có văn bản thỏa thuận của cha mẹ học sinh bằng văn bản; cuối năm học số tiền còn lại chi không hết chưa lấy ý kiến của cha mẹ học sinh lựa chọn phương án: trả lại hoặc giảm vào dự toán thu năm sau mà cho chuyển sang năm học sau là không đảm bảo quy định tại Điều 2 Quyết định 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn.

Đề nghị các Trường rà soát các tồn tại nêu trên đảm bảo theo quy định.

9. Các khoản thu xã hội hóa các Trường không đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ là không thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh: *"Việc quản lý các khoản thu được quy định cụ thể về đối tượng thu, nội dung thu, nội dung chi, hình thức thu, tỷ lệ định mức chi được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở giáo dục trên cơ sở nội dung đã được quy định trong Nghị quyết."*.

10. Các Trường chưa thực hiện báo cáo các khoản thu XHH theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5 Quyết định 2364/QĐ-UBND của UBND tỉnh hướng dẫn Nghị quyết 101 của HĐND tỉnh quy định *"... Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp theo phân cấp quản lý* ***trước ngày 20 tháng 11*** *hằng năm"*; Nhà trường thực hiện báo cáo tại thời điểm xét duyệt quyết toán là không đảm bảo quy định nói trên.

11. Về công khai ngân sách

Các Trường cơ bản thực hiện việc công khai ngân sách; công khai các khoản thu xã hội hóa, tài trợ viện trợ và nguồn thu khác. Tuy nhiên, cần rà soát công khai tất cả các nguồn thu, chi ngân sách, thu xã hội hóa, tài trợ viện trợ và thu khác đảm bảo quy định tại Điều 4 Thông tư 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ đảm bảo các biểu mẫu, các nguồn hỗ trợ, tài trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

12. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ

- Tại Quyết định

+ Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh bổ sung hằng năm không phải Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022

+ Điều chỉnh căn cứ theo hướng đảm bảo đầy đủ nội dung pháp lý: Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết Hội nghị Viên chức & người lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

+ Nơi nhận: bổ sung Phòng TC-KH huyện Hải Lăng để theo dõi, quản lý; KBNN huyện Hải Lăng để kiểm soát chi.

- Tại Quy chế

+ Điều chỉnh cụm từ "cán bộ, giáo viên, nhân viên" bằng cụm từ "viên chức và người lao động" trong toàn bộ quy chế.

+ Bỏ Quỹ khen thưởng; Quỹ Phúc lợi ...do đơn vị sự nghiệp được ngân sách đảm bảo kinh phí chi thường xuyên theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Nhóm 4 không có Quỹ này *(Các Trưởng căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập để phân phối kết quả tài chính trong năm).*

+ Bổ sung nội dung làm thêm giờ: "Theo Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022, trường hợp số giờ làm thêm trong 01 năm, từ 200 giờ đến 300 giờ/năm. Nhà Trường phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.".

+ Căn cứ điểm b khoản C Phụ lục số 05 Điều 11 Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *"b) Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp từ nguồn tài chính của đơn vị và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.".* Căn cứ quy định nêu trên Thủ trưởng đơn vị có thể hỗ trợ cho bộ phận hành chính (kế toán) từ nguồn tiết kiệm chi theo khả năng cân đối nguồn tài chính của đơn vị và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo quy định nêu trên.

Việc xác định kinh phí tiết kiệm được trong năm, được quy định tại khoản 1 Điều 22 theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập: *"1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định này, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được xác định là kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được...".*

13. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công

+ Điều chỉnh cụm từ "cán bộ, giáo viên, nhân viên" bằng cụm từ "viên chức và người lao động" trong toàn bộ quy chế.

- Tại Quyết định: Căn cứ điều chỉnh, căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản, Nghị định 151/2017/NĐCP của Chính phủ, Thông tư 144/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 151/NĐ-CP của Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Tại Quy chế: rà soát, viết lại theo hướng dẫn được quy định tại Điều 7 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

14. Về Xây dựng cơ bản từ nguồn tài trợ, viện trợ

Các Trường cơ bản chấp hành Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư và xây dựng. Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư. Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế và đo bóc khối lượng công trình. Nghị định số 146/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 12/2015/NĐ-CP về thuế GTGT và thuế TNDN.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

- Một số công trình, trong dự toán lập có giá tạm tính là không có cơ sở, căn cứ để thanh toán; khi lập dự toán các công tác nếu không có đơn giá trong thông báo giá của Sở Xây dựng tại thời điểm lập dự toán thì đơn vị thiết kế phải lấy 03 bảng báo giá bên ngoài để làm cơ sở thanh toán.

- Một số công trình có thuê tư vấn giám sát. Tuy nhiên, đơn vị giám sát không có nhật ký giám sát thi công để xác định khối lượng thi công tại hiện trường theo quy định.

- Trong năm, một số Trường có sửa chữa 01 số hạng mục từ nguồn tài trợ nhưng đơn vị chưa nhập tăng tài sản.

Đề nghị các Trường rà soát các tồn tại nêu trên đảm bảo theo quy định.

15. Một số Trường chưa tuân thủ các quy định về Sổ kế toán theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, cụ thể:

- Nhật Ký - Sổ cái không đóng dấu giáp lai giữa các trang, không thể hiện ngày mở sổ; Không in ra giấy đầy đủ các loại sổ kế toán tổng hợp theo quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 107/2017/TT-BTC; Không thực hiện việc mở sổ kế toán vào đầu kỳ kế toán năm hoặc từ ngày thành lập đơn vị kế toán (Sổ chi tiết TK 515, 615).

- Báo cáo kết quả hoạt động chưa thể hiện số liệu phân phối cho các Quỹ.

- Thuyết minh báo cáo tài chính chưa thể hiện rõ Quyết định thành lập đơn vị, Quyết định giao quyền tự chủ tài chính, loại hình đơn vị (Mẫu B04/BCTC); Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu B02/BCTC) không thể hiện số liệu của năm trước.

Đề nghị các Trường rà soát các nội dung điều chỉnh, bổ sung đảm bảo quy định.

16. Trong năm, một số trường có thanh lý tài sản có quyết định thành lập hội đồng thanh lý, tiến hành thanh lý, tuy nhiên chưa lập danh mục tài sản để xác định nguyên giá; giá trị còn lại, hao mòn lũy kế để có cơ sở ghi giảm tài sản trên sổ kế toán.

Đề nghị các Trường rà soát quy trình thanh lý tài sản là trụ sở, cơ sở hoạt động tại các Trường đảm bảo quy định tại Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quản lý sử dụng tài sản công và Nghị quyết số 31/2018/NQ-HDND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị kèm theo Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

17. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Lăng

- Trong năm 2022, trên cơ sở Kế hoạch thu, chi nguồn xã hội hóa, tài trợ viện trợ tại các Trường gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Đề nghị Phòng GĐ&ĐT tăng cường kiểm tra, rà soát các khoản thu xã hội hóa, tài trợ, viện trợ tại các Trường đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND về quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn và Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn.

- Căn cứ khoản 8 Điều 13: Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ về Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục *"Xây dựng dự toán... phối với với Phòng Tài chính – Kế hoạch hướng dẫn, kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện theo quy định"*. Đề nghị Phòng GD&ĐT huyện Hải Lăng tăng cường phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch hằng năm tham gia xét duyệt quyết toán năm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

- Tổng hợp và báo cáo đánh giá tình hình thực hiên các khoản thu của các Trường trực thuộc các khoản thu xã hội hóa, tài trợ viện trợ gửi UBND huyện Hải Lăng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định các khoản thu dịch

vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn.

- Xem xét nghiên cứu, đề xuất Quy chế phối hợp giữa Phòng giáo dục và Phòng Tài chính - Kế hoạch trong xây dựng dự toán hàng năm.

18. Bổ sung thông tin một số chứng từ, sổ sách chưa hoàn chỉnh.

- Một số chứng từ mua sắm, sửa chữa Hợp đồng, thanh lý hợp đồng không có ngày tháng; không có quyết định chỉ định thầu.

- Một số chứng từ thiếu chữ ký của Chủ tài khoản, kế toán trưởng, người mua hàng và người bán hàng; Công lệnh không ghi rõ nơi đi, nơi đến, còn tẩy sửa ngày tháng trên công lệnh

- Bổ sung một số chứng từ, hồ sơ mua sắm tài sản còn thiếu báo giá; thẩm định giá.

III. KIẾN NGHỊ

Để không ngừng nâng cao hiệu quả và hoàn thiện công tác quản lý tài chính đối với Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Lăng, Thanh tra Sở Tài chính kiến nghị:

1. Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hải Lăng

1.1. Tăng cường công tác kiểm tra đối với các Trường trong việc sử dụng kinh phí ngân sách cấp, các nguồn thu hợp pháp và các nội dung tài chính liên quan theo Luật Kế toán 2015 và Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán; Thông qua Biên bản xét duyệt quyết toán Phòng kiến nghị cụ thể các tồn tại của Nhà trường để làm cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo quy định.

1.2. Hằng năm, tiến hành rà soát nguồn Quỹ lương do có điều chỉnh tăng, giảm trong năm từ Quỹ lương sang định mức, số kinh phí Quỹ lương còn dư chuyển sang năm sau tương đối lớn; kinh phí làm thêm giờ tại các Trường để xác định số thừa, thiếu nhằm bố trí kinh phí hợp lý.

1.3. Chỉ đạo các Trường nghiêm túc khắc phục các tồn tại được nêu tại Phần II Đánh giá công tác quản lý tài chính.

1.4. Đốc thúc các Trường nộp tiền vào ngân sách nhà nước, khi có Quyết định thu hồi của Thanh tra Sở Tài chính.

2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hải Lăng

2.1. Nghiêm túc khắc phục các tồn tại tại Biên bản làm việc với Đoàn thanh tra ngày 28/11/2023 và khoản 17 Phần II tồn tại của Kết luận này.

2.2. Tăng cường kiểm tra, rà soát và báo cáo thu, chi nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ tại các Trường đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND về quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ